

Bản án số: 973/2025/KDTM-ST
Ngày: 27-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Hồng An – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1819/2024/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2025/QĐXX-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1

Địa chỉ: 1 L, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Bùi Thị Trang T

Văn bản ủy quyền số 3105/GUQ-TS ngày 31/5/2024

(Có đơn đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần K

Địa chỉ: C P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đỗ V – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2024, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/4/2022, nguyên đơn Công ty TNHH T1 và bị đơn Công ty Cổ phần K ký Hợp đồng mua bán số 20220405-NVB-TG-TS-TBI CHUA CHAY cung cấp thiết bị chữa cháy ngoài trời hiệu HY/China cho dự án N – Cam Ranh của Công ty Cổ phần K.

Tổng giá trị hợp đồng là 666.561.889 đồng. Thực hiện hợp đồng, ngày 09/5/2022, nguyên đơn tiến hành giao hàng đợt 1, trị giá 202.042.748 đồng và bị đơn cũng đã nhận hàng, các bên đã kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa tại thời điểm bàn giao bằng Biên bản bàn giao - Nghiệm thu hàng hóa ngày 09/5/2022, các bên không có tranh chấp gì liên quan đến số lượng, chất lượng hàng hóa đã giao, nhận. Tổng giá trị hàng hóa mà Công ty T1 đã bàn giao là 202.042.748 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 229 ngày 26/4/2023.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần K phải thanh toán số tiền công nợ là 202.042.748 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày 26/5/2024 là 24.002.679 đồng, thanh toán một lần ngay khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Công ty Cổ phần K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/5/2025, 16/5/2025 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 410 Bộ luật dân sự Điều 306 Luật thương mại 2005: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH T1 và Công ty Cổ phần K là tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Công ty Cổ phần K có đăng ký trụ sở chính tại địa chỉ số C P, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty Cổ phần K tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần nhất vào ngày 11/6/2025 và lần thứ hai vào ngày 27/6/2025 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH T1: Bà Phan Bùi Thị Trang T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty TNHH T1 yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần K thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 202.042.748 đồng; nợ lãi chậm trả: 43.831.283 đồng.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng thi công là: 401.875.013đ, và giá trị bảo hành 638.891.081đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Xét Hợp đồng thi công xây dựng số VLU-GTL-CON-000143 ngày 26/11/2018 và các phụ lục hợp đồng số VLU-GTL-CON-000143/ADD02 ngày

28/6/2019; số VLU-GTL-CON-000143/ADD03 ngày 29/10/2019; và số VLU-GTL-CON-000143/ADD04 ngày 21/10/2020 (Viết tắt là: Hợp đồng), nguyên đơn và bị đơn đã cùng thống nhất về việc bị đơn thuê nguyên đơn thi công hạng mục: Cung cấp vật tư, nhân công thiết bị thi công phần hoàn thiện (Xây tô, ốp lát, cán nền tại công trình Trường Đại học V1, Phường E, quận G. Hai bên đã cùng nhau thỏa thuận các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của nhau trong hợp đồng, cùng ký tên đóng dấu và đã thực hiện hợp đồng, đây là hợp đồng song vụ có nội dung phù hợp với các quy định chung về hợp đồng của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp lý.

[3.2] Xét Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 24/11/2020, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất giá trị quyết toán công trình trường Đại học V1 với nội dung: Giá trị còn lại bên A (bị đơn) phải thanh toán cho bên B (nguyên đơn) là: 401.875.011 đồng; giá trị bảo hành 5% được giữ lại là: 638.891.081đ. Điều 4 của Biên bản thanh lý hai bên đã cùng thống nhất thanh lý hợp đồng số VLU-GTL-CON-000143 ngày 26/11/2018 và các phụ lục đính kèm.

[3.3] Xét văn bản số 34/CV/TAKCO/2022 ngày 08/3/2022, bị đơn đã thừa nhận công nợ chưa thanh toán cho nguyên đơn là 401.875.013đ và hứa sẽ thanh toán dứt điểm từ quý 2 đến quý 3 năm 2022, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 8.8 của Hợp đồng.

[3.4] Xét Điều 8.5 của Hợp đồng quy định: Bên A (bị đơn) giữ lại 05% giá trị quyết toán Hợp đồng để thực hiện bảo hành và bị đơn sẽ hoàn trả cho bên B (nguyên đơn) trong vòng 30 ngày sau 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu hạng mục công trình đưa vào sử dụng. Biên bản số 2012.23 ngày 23/12/2020 nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng đối với Trường đại học V1 – cơ sở 3 đã kết luận: Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục để đưa vào sử dụng. Như vậy, thời hạn hoàn trả 5% tiền bảo hành là chậm nhất ngày 23/01/2023, tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa hoàn trả là đã vi phạm thỏa thuận.

[3.5] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ cho thấy bị đơn đã vi phạm thỏa thuận thanh toán cả hai khoản giá trị còn lại của hợp đồng và giá trị bảo hành, do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng thi công là: 401.875.013đ, và giá trị bảo hành 638.891.081đ. Tổng cộng: 1.040.766.094 đồng.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường với mức lãi suất là 0,75%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Điều 10.1.2 của Hợp đồng quy định nếu bên A (bị đơn) thanh toán không đúng thời hạn sẽ phải trả cho bên B (nguyên đơn) khoản lãi đối với số tiền chậm trả. Như vậy hai bên có thỏa thuận về tiền lãi, nhưng mức lãi suất thỏa thuận là lãi suất cơ bản do ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chậm trả thực tế là chưa đúng quy định pháp luật nên nguyên đơn đã yêu cầu tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên chấp nhận.

[4.2] Việc bị đơn cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng đã bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, là sự kiện bất khả kháng nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn quá hạn thanh toán mà tính tiền phạt là không chính xác nên đã không thừa nhận số liệu theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hội đồng xét xử cho rằng dịch Covid-19 có thể tác động đến tình hình kinh doanh của bị đơn nhưng không tác động đến thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Nghĩa vụ trả tiền cũng không phải là nghĩa vụ không thể thực hiện được bởi dịch Covid-19 vì dịch Covid-19 không cản trở nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Bên cạnh

đó, dịch Covid-19 bắt đầu xuất hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 01/2020, nhưng hai bên vẫn thực hiện hợp đồng và đến ngày 24/11/2020 hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng chốt giá trị quyết toán với tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là: 10.020.258.465 đồng, cho thấy dịch Covid-19 không phải là sự kiện bất khả kháng và ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán của bị đơn. Nên trình bày này của bị đơn không được chấp nhận.

[4.3] Về mức lãi suất: Văn bản ngày 07/6/2024 của Ngân hàng TMCP B – P cho biết lãi suất trong hạn cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp thời hạn 3 tháng đến 12 tháng là từ 7,7%/năm đến 10,0%/năm. Văn bản ngày 07/6/2024 của Ngân hàng TMCP Á cho biết lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp nhỏ là từ 8%/năm đến 14%/năm. Văn bản ngày 11/6/2024 của Ngân hàng N1 – chi nhánh B1 cho biết lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ là từ 7%/năm đến 8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Như vậy, lãi suất cho vay trung bình của 03 ngân hàng là: 9,12%/năm, là 0,76%/tháng. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là: 1,14%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất là 0,75%/tháng là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng ghi nhận và chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4.4] Tiền lãi bị đơn phải trả là:

- Giá trị hợp đồng còn phải thanh toán theo thỏa thuận trả nợ tại văn bản số 37/CV/TAKCO/2022 ngày 08/3/2022 của bị đơn, thời hạn thanh toán chậm nhất là 30/9/2022 nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán nên thời hạn tính lãi được tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2024) là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: $401.875.013đ \times 0,75\% \times 19 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 59.879.376 \text{ đồng}$.

- Giá trị bảo hành được hoàn trả theo thỏa thuận tại Điều 8.5 của Hợp đồng ngày 26/11/2018 là chậm nhất ngày 23/01/2023, tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa hoàn trả là đã vi phạm thỏa thuận nên thời hạn tính lãi được tính từ ngày 24/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2024) là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: $638.891.081đ \times 0,75\% \times 17 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 81.778.057 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả là: 141.657.433 đồng.

[5] Tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: [3.5] + [4.4] = 1.182.423.527 đồng.

[6] Xét Đơn phản tố đề ngày 26/7/2022 của bị đơn: Sau khi nộp đơn phản tố, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình. Ngày 07/9/2022, bị đơn có Tờ trình gia hạn thời hạn cung cấp tài liệu chứng cứ đến ngày 06/10/2022 sẽ nộp cho Tòa án nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Tòa án đã tổng đạt Thông báo đóng tiền tạm ứng án phí phản tố số 1128/TB-TA ngày 04/8/2023 cho bị đơn nhưng cho đến nay bị đơn không thực hiện. Căn cứ Điều 202, khoản 3 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Tòa án chỉ thụ lý yêu cầu phản tố khi nhận được biên lai thu tiền tạm ứng án phí phản tố của bị đơn. Do bị đơn không thực hiện đóng tạm ứng án phí phản tố và nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

[7] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.182.423.527 đồng.

H lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 22.388.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0049588 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm;
- Điều 398, 402, 403 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 306 Luật thương mại năm 2005;
- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Công ty cổ phần D.

1.1 Buộc bị đơn, Công ty cổ phần X phải thanh toán thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số VLU-GTL-CON-000143 ngày 26/11/2018 và các phụ lục hợp đồng số VLU-GTL-CON-000143/ADD02 ngày 28/6/2019; số VLU-GTL-CON-000143/ADD03 ngày 29/10/2019; và số VLU-GTL-CON-000143/ADD04 ngày 21/10/2020 số tiền là: 1.040.766.094 đồng. Bao gồm:

- Giá trị hợp đồng còn phải thanh toán: 401.875.013 đồng;
- Giá trị bảo hành: 638.891.081 đồng.

1.2 Buộc bị đơn, Công ty cổ phần X phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi tính tới ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2024) là: 141.657.433 đồng, bao gồm:

- Tiền lãi của giá trị hợp đồng còn phải thanh toán: 59.879.376 đồng;
- Tiền lãi của giá trị bảo hành: 81.778.057 đồng.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 1.182.423.527 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005.

2. Yêu cầu phản tố của bị đơn: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1 Công ty cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.472.706 (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm lẻ sáu) đồng.

Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 H lại cho Công ty cổ phần D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.388.000 (Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi tám ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0049588 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành 5 án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phủ

Lâm Thị Hoàng Oanh

Nguyễn Kiều Trang

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang

